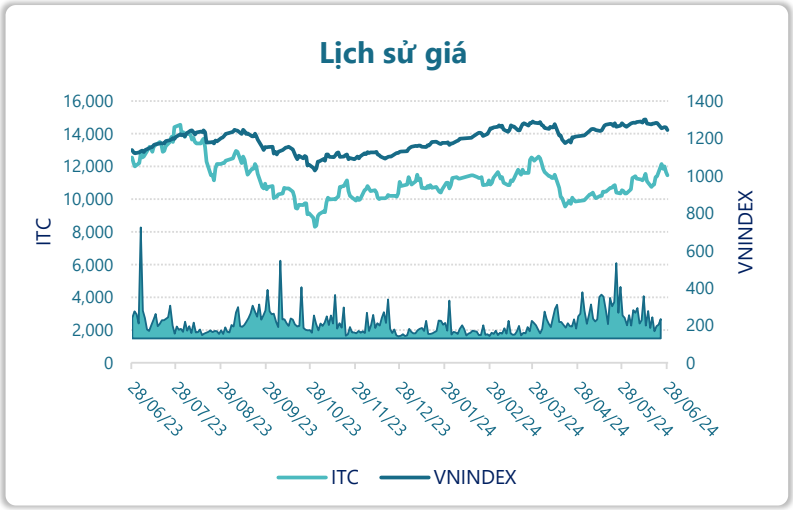
FireAnt

CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà (HSX: ITC)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,310
SL cổ phiếu LH	95,935,049
KLGD BQ 20 phiên (CP)	977,550
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,098
P/E	14.1
EPS	812

DT thuần

Q2/24

137

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 0.9%

YoY: ▼3.00| -2.0%

LN sau thuế

Q2/24

8.78

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.12| -19.5%

YoY: ▲ 18.8| 188%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

24.4%

+/- YoY: ▲ 9.8%

DT thuần

6T 2024

273

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.00| 0.5%

LN sau thuế

6T 2024

19.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.00| 17.9%

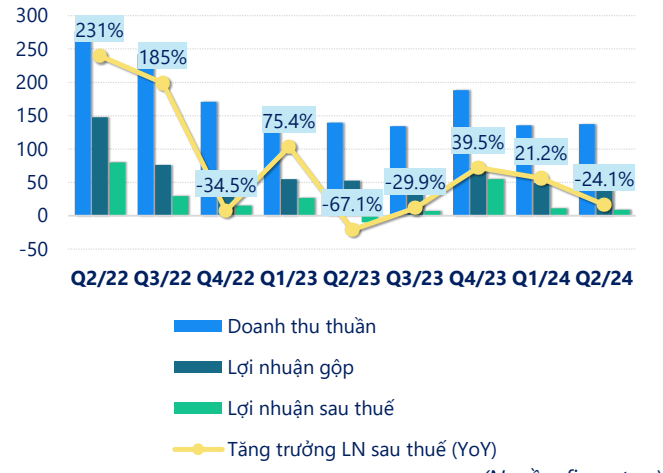
ROE

Q2/24

3.4%

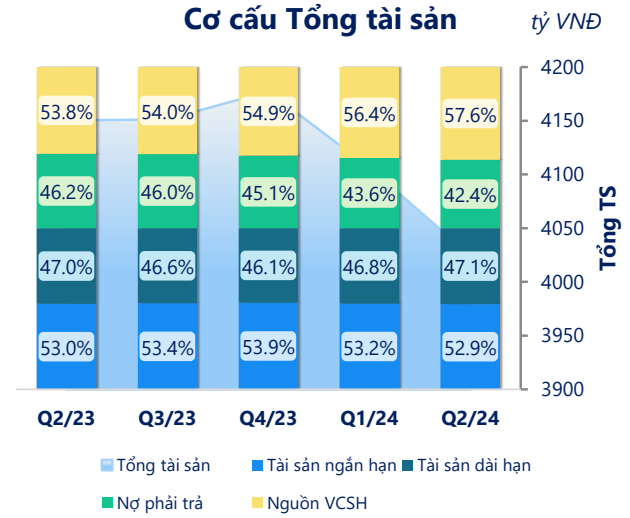
+/- YoY: ▲ 0.8%

Kết quả kinh doanh



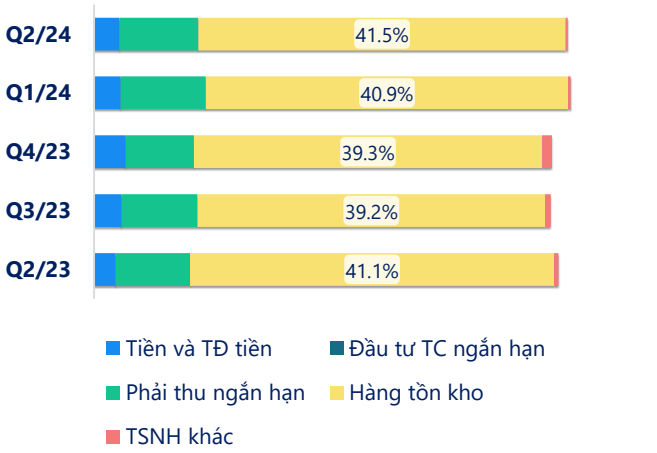
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



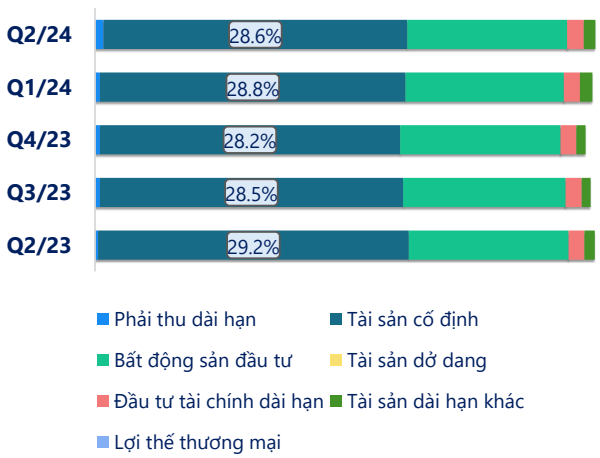
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



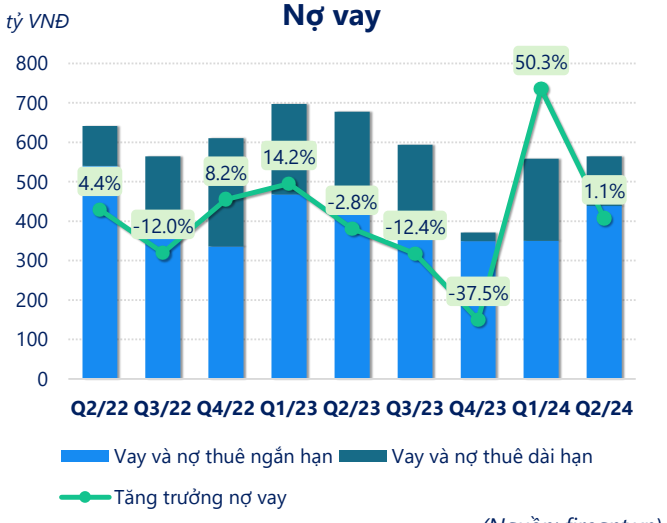
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



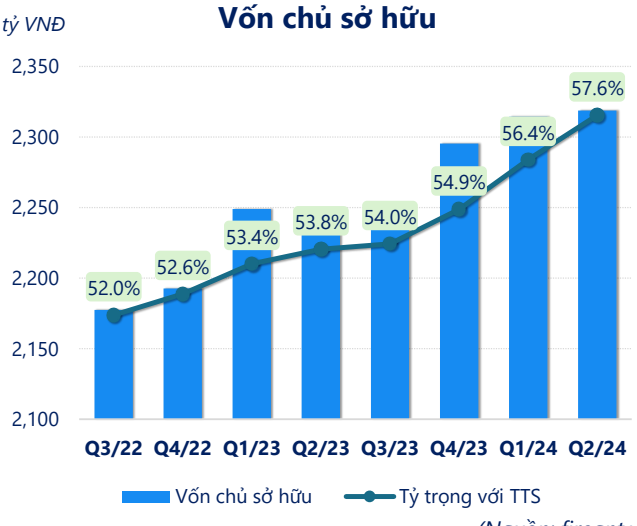
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



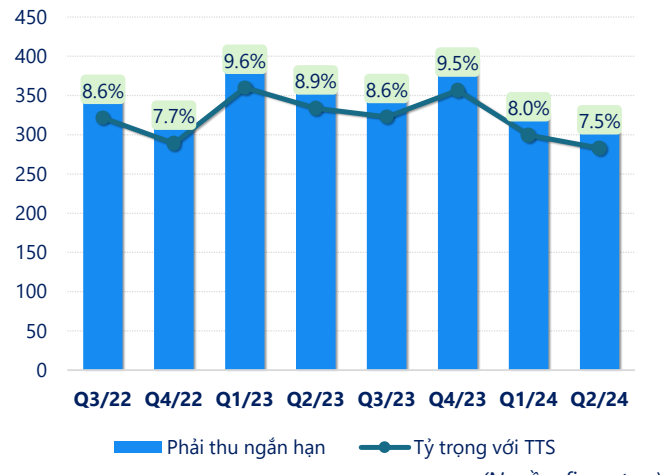
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



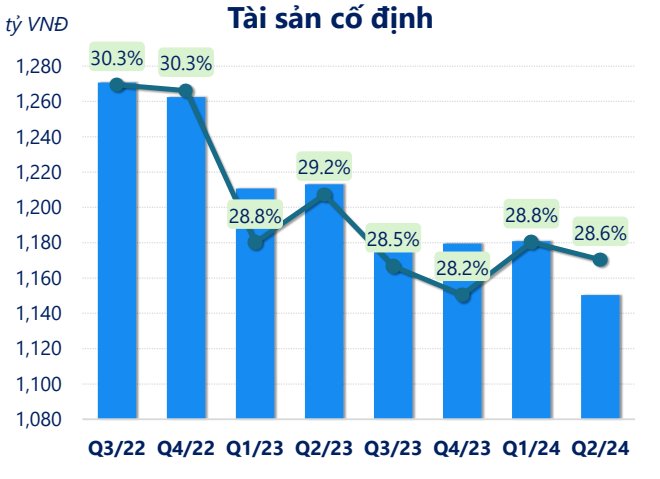
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



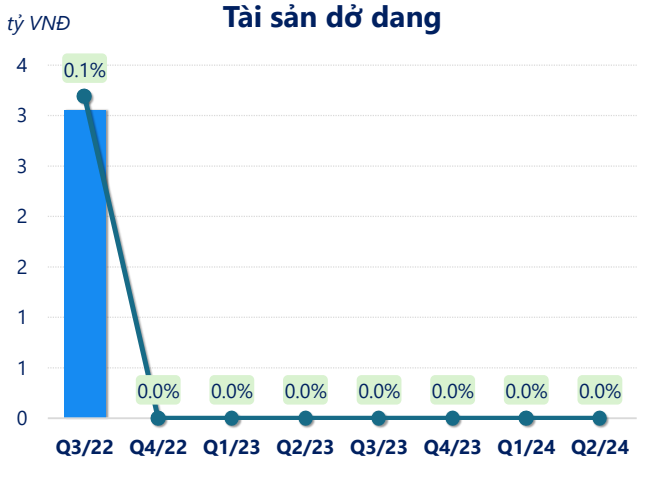
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



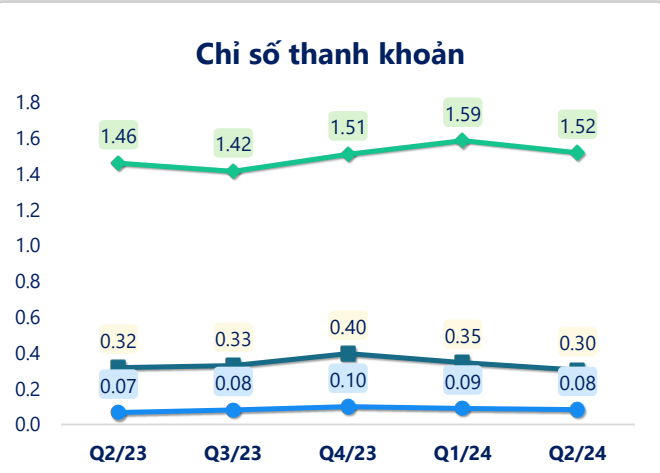
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



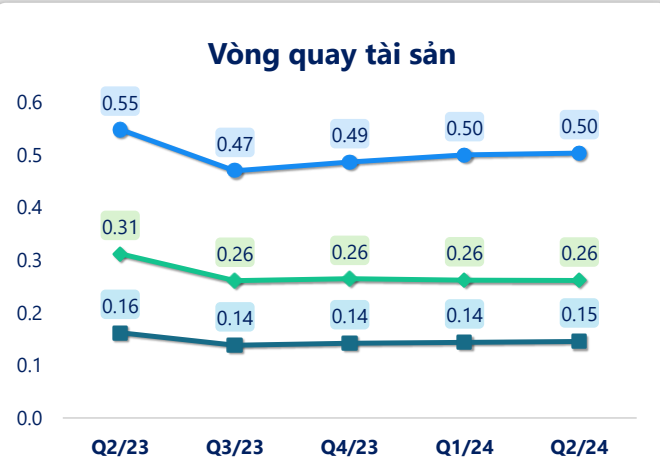
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**4,150**	**4,151**	**4,177**	**4,107**	**4,025**
Tài sản ngắn hạn	**2,200**	**2,216**	**2,250**	**2,186**	**2,131**
Tiền và tương đương tiền	101	129	149	124	116
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	369	357	397	328	304
Hàng tồn kho	1,720	1,700	1,659	1,710	1,704
Tài sản ngắn hạn khác	9.25	29.5	44.6	24.0	7.45
Tài sản dài hạn	**1,950**	**1,935**	**1,927**	**1,921**	**1,894**
Phải thu dài hạn	11.9	18.9	18.9	18.9	31.9
Tài sản cố định	1,213	1,184	1,179	1,181	1,150
Bất động sản đầu tư	623	634	630	610	605
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	62.0	62.8	62.8	62.4	62.4
Tài sản dài hạn khác	40.2	35.5	36.3	48.1	44.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,917**	**1,911**	**1,882**	**1,792**	**1,706**
Nợ ngắn hạn	**1,506**	**1,566**	**1,490**	**1,378**	**1,402**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	447	423	350	350	438
Phải trả người bán ngắn hạn	122	83.2	64.1	102	61.1
Nợ dài hạn	410	345	392	415	303
Vay và nợ thuê dài hạn	231	171	21.7	208	126
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,234**	**2,241**	**2,295**	**2,314**	**2,319**
Vốn chủ sở hữu	**2,234**	**2,241**	**2,295**	**2,314**	**2,319**
Vốn điều lệ	964	964	964	964	964
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)